BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO MÙA (Cập nhật)

DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI, SỬ DỤNG NƯỚC TRONG HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI PHỤC VỤ SẢN XUẤT VÙNG ĐBSCL, NĂM 2026

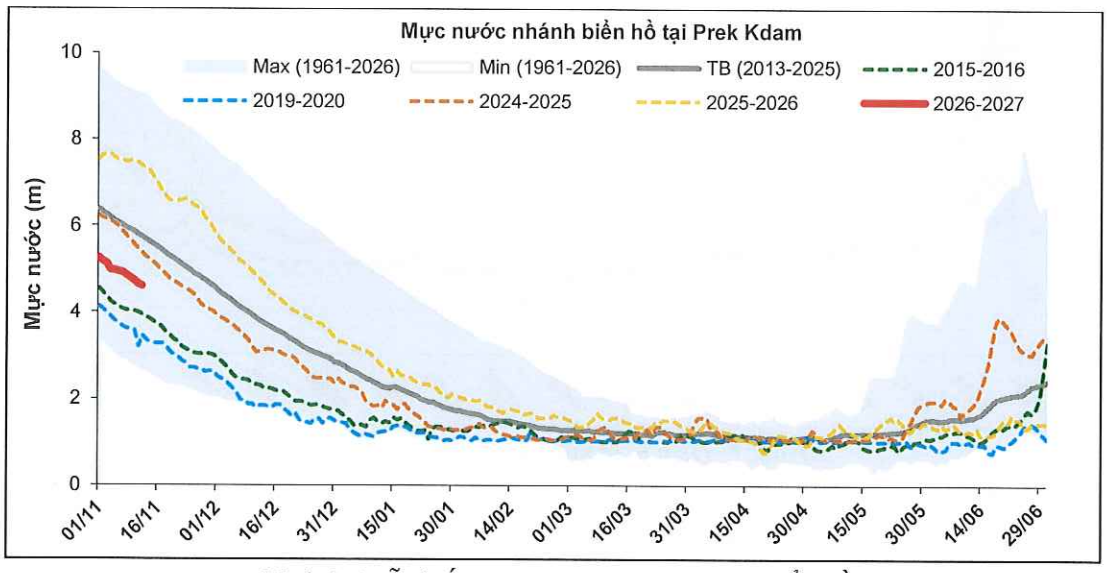
(Vụ Đông Xuân 2026-2027)

1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG

Lưu vực sông Mê Công đang bước vào cuối thời kỳ mùa lũ, đầu thời kỳ mùa kiệt, mực nước ở các trạm đầu nguồn ĐBSCL và mực nước Biển hồ đang giảm nhanh. Nguồn nước về Đồng bằng liên quan mật thiết đến các yếu tố: lượng trữ ở Biển hồ - TonleSap; lượng trữ ở các hồ chứa thượng lưu và nguồn nước trên dòng chính sông Mê Công. Các thông tin này được cập nhật dưới đây đến ngày 12/11/2026.

1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)

Mực nước nhánh vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1) ở cao trình 4,61m và đang có xu thế giảm; hồ hiện đang trong giai đoạn xả nước, mực nước hồ tại Prek Kdam hiện thấp hơn so với trung bình nhiều (TBNN) năm 1,13m.



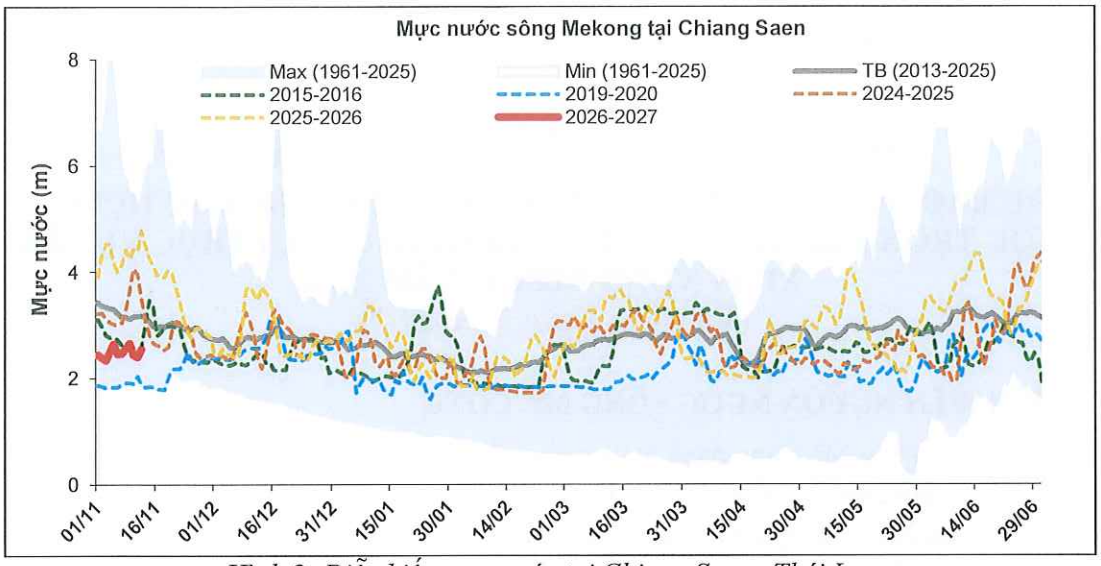
Hình 1: Diễn biến nước trạm Prek Kdam - Biển hồ

Dung tích hồ ngày 12/11 hiện hữu khoảng 31,71 tỷ m^3, thấp hơn TBNN khoảng 3,14 tỷ m^3 và cao hơn so với năm 2019-2020 khoảng 10,79 tỷ m^3 và cao hơn so với năm 2015-2016 khoảng 11,85 tỷ m^3.

1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công

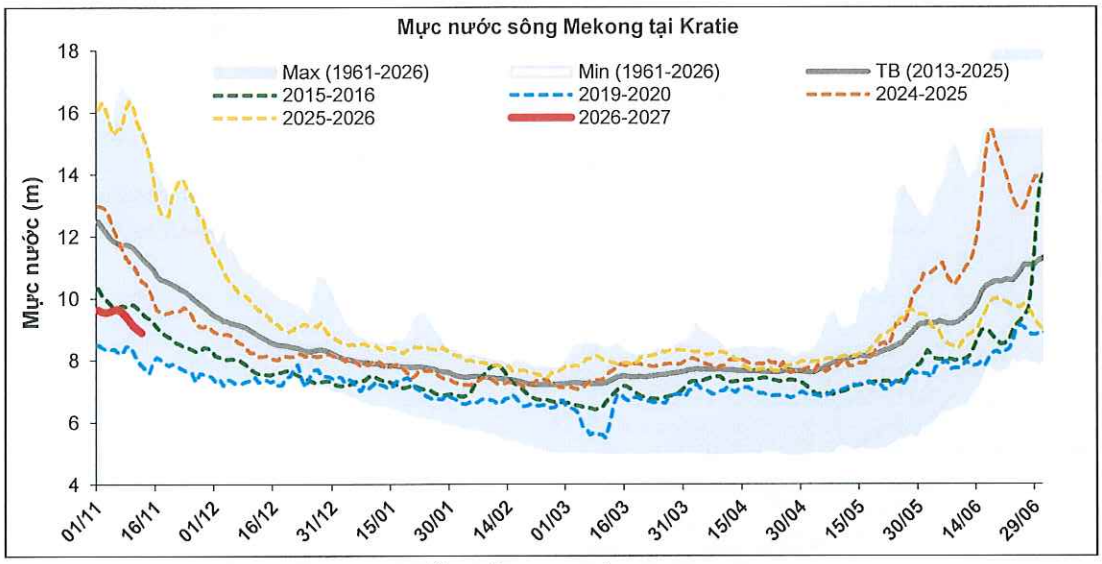
Diễn biến mực nước đến ngày 12/11/2026 tại trạm Chiang Saen và Kratie trên

dòng chính sông Mê Công được đưa ra ở Hình 2 và Hình 3. Từ biểu đồ cho thấy, dòng chảy gần cuối mùa lũ đang giảm nhanh và thấp hơn TBNN.



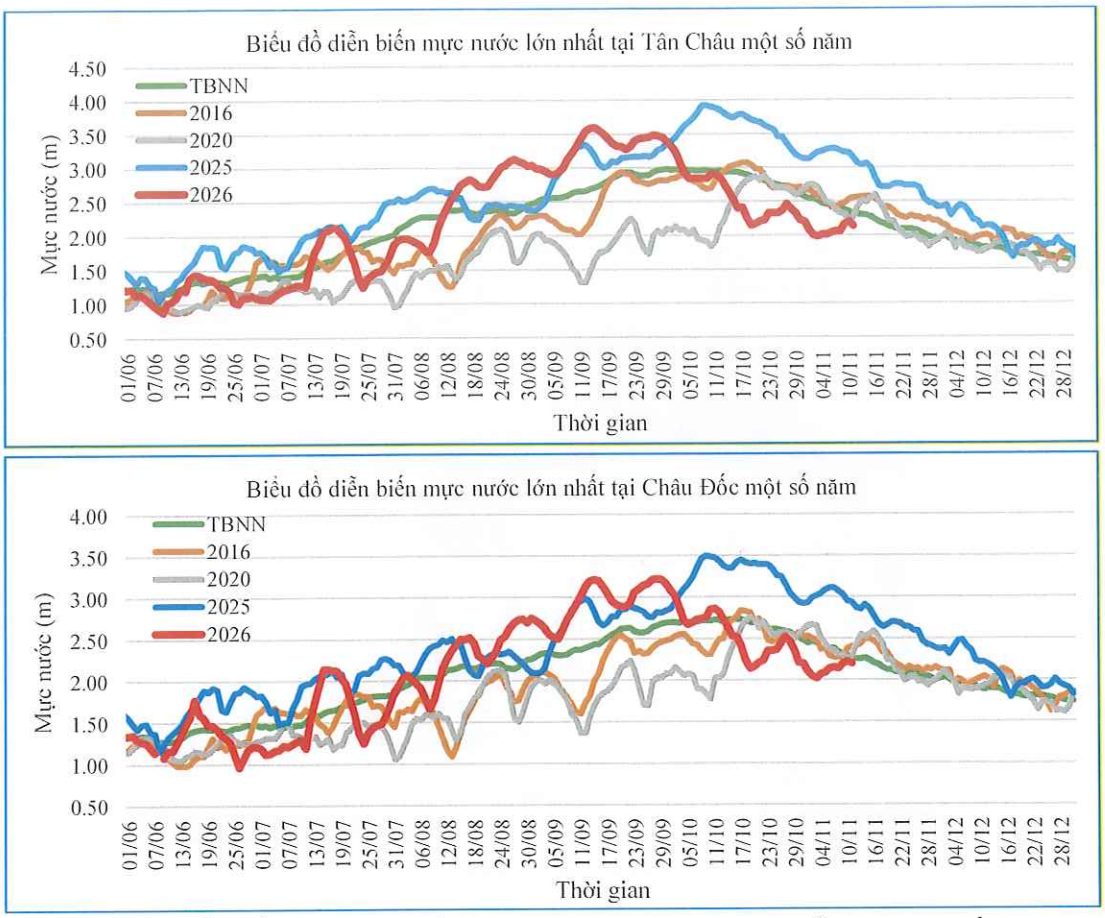
Hình 2: Diễn biến mực nước tại Chiang Saen –Thái Lan

- Mực nước tại trạm Chiang Sean *(Giáp với Trung Quốc, cách Việt Nam khoảng 2.209km)* hiện tại ở mức 2,55m, thấp hơn TBNN khoảng 0,36m.



Hình 3: Diễn biến nước về qua trạm Kratie

- Tại trạm Kratie *(đầu châu thổ Mê Công)*, mực nước hiện tại là 8,9m, thấp hơn so với cùng kỳ TBNN khoảng 2,42m, thấp hơn khoảng 6,5m so với năm 2025.

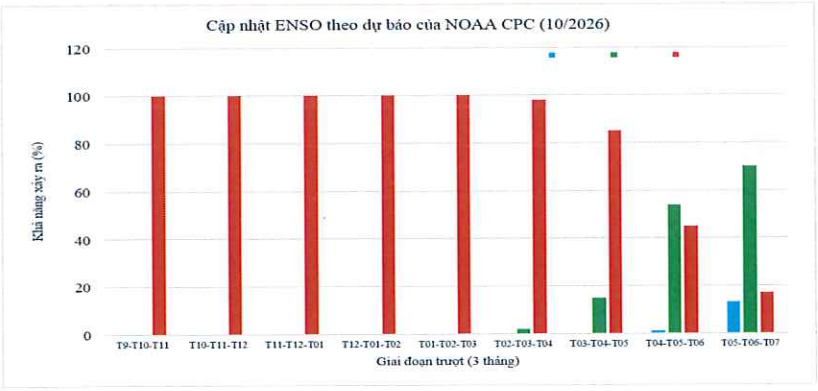


Hình 4: Diễn biến nước lớn nhất ngày tại Tân Châu và Châu Đốc cùng một số năm

- Mực nước lớn nhất đầu nguồn đồng bằng giảm nhanh chóng ở thời điểm từ giữa tháng 10, hiện thấp hơn so với bình quân nhiều năm từ 2010 đến nay khoảng 0,07m đến 0,19m tại Châu Đốc và Tân Châu.

1.3. Dự báo mưa và trữ nước ở các hồ chứa thượng nguồn

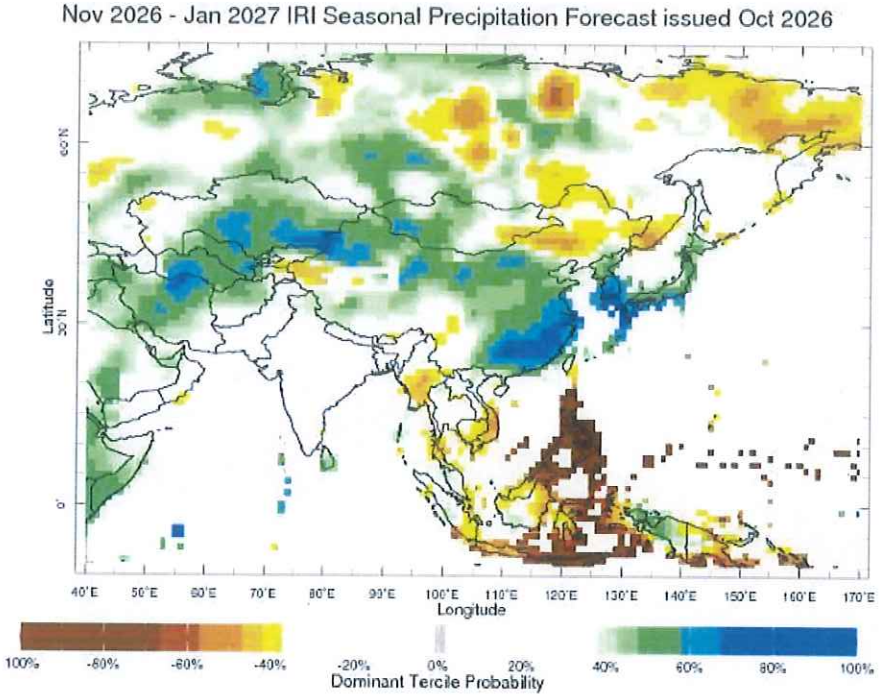
Theo số liệu cập nhật của NOAA, điều kiện khí hậu đến hết năm 2026 ESNO ở trạng thái El Niño vẫn hoạt động ở xác suất lên tới 100% và có thể kéo dài đến giai đoạn tháng 3-5/2027 ở xác suất rất cao. Sau đó El Niño sẽ suy giảm dần và ENSO trung tính sẽ chiếm xu thế, giai đoạn tháng 4-6/2027 xác suất xuất hiện El Niño còn 45% và ENSO trung tính ở mức 54%.



Nguồn: NOAA

Hình 5. Dự báo khả năng xuất hiện các trạng thái ENSO 2026-2027

Dự báo mưa được thu thập từ các tổ chức quốc tế cho thấy sự thiếu hụt mưa trên lưu vực Mê Công từ tháng 11 đến tháng 01/2026 từ 40-60% so với TBNN. Các tháng 2 đến tháng 4 mưa trên lưu vực đều ở mực bằng và dưới trung bình nhiều năm. Dự báo nhiệt độ trên lưu vực phổ biến cao hơn TBNN 1 đến 3 độ.

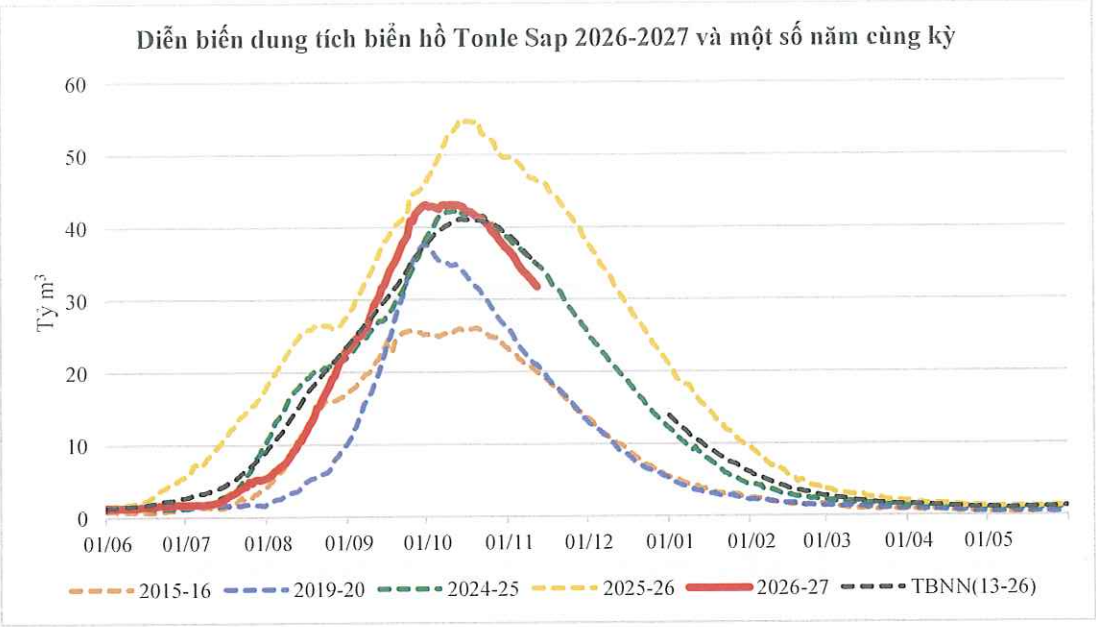


Nguồn: iri

Hình 6: Dự báo khả năng xuất hiện mưa giai đoạn tháng 10-12 và 12/2026-02/2027

Cập nhật dung tích hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công đến ngày 12 tháng 11/2026 cho thấy, tổng dung tích nước có thể điều tiết cho mùa kiệt năm 2026-2027 trên lưu vực sông Mê Công có khoảng 49,48 tỷ m^3. Trong đó các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công thuộc Trung Quốc có dung tích điều tiết là 18,62 tỷ m^3, tương đương với 78,3% tổng dung tích hữu ích. Các hồ chứa hạ lưu vực Mê Công có 74,0% tổng dung dích hữu ích. So với cùng kỳ năm 2025 thấp hơn 9,97 tỷ m^3, so với năm 2024 thấp hơn 7,10 tỷ m^3; so với thời kỳ 2015-2016 cao hơn khoảng 11,7 tỷ m^3; so với cùng kỳ 2019-2020 cao hơn khoảng 4,14 tỷ m^3.

Biển hồ Tonle Sap đạt đỉnh trong thời gian 1-11/10 cùng với thời kỳ ở năm 2019-2020 và sớm hơn TBNN khoảng 20 ngày. Hồ đạt đỉnh sớm đồng nghĩa hồ sẽ rút nước nhanh làm mất hiệu quả điều tiết trong mùa kiệt. Mực nước Biển hồ Tonle Sap tại Kampong Luong ngày 12/11 ở mức 6,6m tương đương với lượng trữ là 31,71 tỷ m^3, thấp hơn TBNN khoảng 4,94 tỷ m^3 và cao hơn so với năm 2019-2020 khoảng 10,79 tỷ m^3 và cao hơn so với năm 2015-2016 khoảng 11,85 tỷ m^3.



Hình 7: Cập nhật dung tích hồ Tonle Sap năm 2026-2027 và mốt số năm

2. DỰ BÁO TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ NĂM 2026-2027 VỀ ĐBSCL

Tính đến thời điểm 12/11/2026, tổng dung tích trữ có thể điều tiết được ở các hồ chứa thượng lưu đạt 49,48 tỷ m^3, đạt 75,57% tổng dung tích hữu ích các hồ, cao hơn so với cùng kỳ 2019-2020 khoảng 4,14 tỷ m^3. Dung tích hiện có của biển hồ Tonle Sap khoảng 31,71 tỷ m^3, cao hơn so với năm 2019-2020 khoảng 10,79 tỷ m^3.

Mặc dù lượng trữ các hồ chứa hiện có trên lưu vực và lượng trữ biển hồ Tonle Sap có cao hơn so với ở điều kiện năm 2015-2026 và 2019-2020 khoảng 15 tỷ m^3. Tuy nhiên, mưa kết thúc sớm trên lưu vực kết hợp với sự gia tăng nhiệt độ cao hơn TBNN 1 đến 3 độ C làm nước bốc hơi nhanh, mực nước hồ cũng giảm nhanh, lượng điều tiết từ biển hồ Tonle Sap sẽ hết sớm. Trong khi đó, lượng trữ từ các hồ chứa trên lưu vực chỉ cao hơn so với điều kiện ở năm 2019-2020 hơn 4 tỷ m^3, là không đáng kể so với lượng thiếu hụt do mưa kết thúc sớm. Lưu lượng dòng chảy về ĐBSCL qua Kratie hiện chỉ đạt khoảng 5.900 m^3/s, ứng với tần suất khoảng 90%, thuộc nhóm năm rất ít nước. Mực nước đầu nguồn ĐBSCL tại Tân Châu đạt đỉnh ngày 12/11 đã thấp hơn TBNN. Mực nước trên đồng bằng sẽ giảm nhanh do tác ảnh hưởng triều, gia tăng nhiệt độ và thiếu hụt mưa trên đồng bằng.

Từ các kết quả dự báo cập nhật về El Nino, các số liệu dự báo mưa và cập nhật tình hình dòng chảy và trữ nước của các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công cho thấy, khả năng dòng chảy về ĐBSCL ở mùa khô năm 2026-2027 vẫn duy trì ở mức dự báo từ ít nước đến rất ít nước, tương tự như ở năm 2015-2016 và có thời kỳ xuống thấp như ở 2019-2020.



	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5
TBNN (15-25)	9376	5356	4045	3337	3468	3923	4772
Q 2015-16	6373	3842	3132	3037	2613	3404	3245
Q 2019-20	4318	3468	3059	2385	2167	2861	3151
Q 2025-26	17973	7262	5036	4012	4471	4320	5330
DB 2026-27	6853	3850	3433	3064	2590	3218	3482
DB 2026-27L	4355	3468	3059	2590	2167	2861	3151

Hình 8: Dự báo kịch bản nguồn nước về ĐBSCL qua trạm Kratie năm 2026-2027

3. KHUYẾN NGHỊ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2026-2027

Dự báo khả năng xâm nhập mặn ở ĐBSCL mùa khô 2026-2027 ở mức cao hơn TBNN (2013-2026), cao hơn mùa khô những năm gần đây từ 2024 đến 2026. Cụ thể:

- Vùng các cửa sông Cửu Long:

  - Tháng 12/2026, ranh mặn 4 g/lít ở mức 30-40 km, bắt đầu ảnh hưởng đến khả năng lấy nước của các công trình thủy lợi các biển từ 35-45km trong kỳ triều cường cuối tháng 12/2026.
  - Tháng 1, 2/2027, ranh mặn 4g/l nửa cuối các tháng vào sâu từ 50-65 km, cao hơn TBNN từ 4-8km, so với năm 2026 cao hơn 14-17km, so với năm 2020 thấp hơn 10-25km, so với năm 2016 ở mức tương đương.
  - Tháng 3/2027, mặn lên cao nửa đầu tháng 3/2027, ranh mặn 4g/l vào sâu từ 55-75 km, cao hơn TBNN từ 9-18km, so với năm 2026 cao hơn 7-26km, so với năm 2020 thấp hơn 10-20km, so với năm 2016 cao 3-5km. Giai đoạn nửa cuối tháng 3/2027 tùy thuộc vào lượng nước điều tiết từ các hồ chứa ở thượng nguồn sông Mê Công, trường hợp nguồn nước tăng như một số năm gần đây, xâm nhập mặn sẽ giảm; trường hợp nguồn nước không tăng, xâm nhập mặn tiếp tục ở mức như tháng 2/2027.

- Vùng hai sông Vàm Cỏ

  - Tháng 12/2026: ranh mặn 4 g/l ở mức 40-45 km, bắt đầu ảnh hưởng đến khả năng lấy nước của các công trình thủy lợi cách biển từ 45-50km giai đoạn cuối tháng 12/2026.
  - Tháng 1-2/2027, ranh mặn 4g/l vào sâu từ 80-85 km, so với TBNN cao hơn 12-16km, so với năm 2026 cao hơn 18-25km, so với năm 2020 thấp hơn 5-15km, so với năm 2016 thấp hơn 3-5km.
  - Tháng 3-4/2027, ranh mặn 4g/l có thể lên đến 110-130 km, cao hơn 20-36 km so với TBNN, so với năm 2026 cao hơn 37-57km, so với năm 2020 thấp hơn 10-15 km, so với năm 2016 thấp hơn 2-3km.
  - Tháng 5/2027, nhiều khả năng mặn vẫn duy trì cao nửa đầu tháng 5, từ cuối tháng 5 xâm nhập mặn giảm dần.

- Vùng ven biển Tây trên sông Cái Lớn: Xâm nhập mặn có nguy cơ vượt qua các điểm khống chế vận hành từ tháng 2/2027, cao điểm xâm nhập mặn trong tháng 3 đến tháng 5/2027. Cống Cái Lớn – Cái Bé cần thiết phải vận hành sớm ngay từ tháng 1-2/2027 để kiểm soát xâm nhập mặn.

Dự báo, khả năng nguồn nước về đồng bằng thuộc nhóm năm ít nước đến rất ít nước, xấp xỉ như ở năm 2015-2016, có thời kỳ như 2019-2020; xâm nhập mặn cũng ở mức cao hơn TBNN phổ biến 5-15 km trên các cửa sông Cửu Long và cao hơn 12-36 km trên các sông Vàm Cỏ. Để đảm bảo an toàn cho sản xuất, các giải pháp ứng phó phục vụ sản xuất, các địa phương có thể tham chiếu tương tự như đã áp dụng thành công ở năm 2019-2020, cụ thể, một số điểm quan trọng cần quan tâm:

- Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến thông tin qua các phương tiện, bảo đảm kịp thời đến người dân và tổ chức liên quan để chủ động công tác ứng phó, đặc biệt quan tâm đến các giải pháp chủ động ứng phó trước như trữ nước tại chỗ, chuyển dịch thời vụ và chuyển đổi cơ cấu sản xuất.

- Xây dựng cơ cấu sản xuất phù hợp, bố trí thời vụ sản xuất, giải pháp và sử dụng nước hợp lý. Xuống giống sớm vụ Đông Xuân 2026-2027, hoàn thành trong tháng 12, chậm nhất 10/01/2027.

- Các khu vực Ven Biển thực hiện đắp đập tạm, nạo vét kênh sớm trong mùa mưa này để tích trữ nước, điều tiết hợp lý cho sản xuất.

- Các HTTL khép kín như Gò Công, Nam Mang Thít, Nhật Tảo – Tân Trụ, Long Phú – Tiếp Nhật cần phải theo dõi chặt chẽ diễn biến mặn, đóng các cửa cống từ phía biển lên thượng lưu từ tháng 11/2026 – sau khi lũ rút; tăng cường nạo vét kênh mương nâng cao khả năng trữ và điều tiết nguồn nước.

- Khu vực thiếu nước do ảnh hưởng xâm nhập mặn, chủ động trữ nước sớm từ mùa lũ, hoàn thành tích nước trước tháng 11/2026, tích nước bổ sung ngay khi có thể.

- Vùng HTTL Quản Lộ Phụng Hiệp, Cái Lớn – Cái Bé: phối hợp vận hành đồng bộ Hệ thống thủy lợi Cái Lớn-Cái Bé với các hệ thống thủy lợi thuộc quản lý của tỉnh Cà Mau và An Giang.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin dự báo, cập nhật kịch bản nguồn nước, xâm nhập mặn của cơ quan chuyên môn dự báo khí tượng thủy văn, dự báo chuyên ngành thủy lợi để làm cơ sở tổ chức sản xuất phù hợp với tình hình nguồn nước và tổ chức các giải pháp ứng phó phù hợp với từng khu vực cụ thể.

4. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Dự báo nguồn nước mùa khô năm 2026-2027 thuộc nhóm năm ít đến rất ít nước, khả năng thiếu nước cho sản xuất có thể làm ảnh hưởng đến các vụ sản xuất lúa – tôm và diện tích lúa Đông Xuân năm 2026-2027. Vì vậy, quán triệt thực hiện Chỉ thị số 39/CT-TTg ngày 30/10/2026 về tăng cường chủ động phòng, chống và ứng phó với các loại hình thiên tai do ảnh hưởng của El Niño trong năm 2026 – 2027, các địa phương cần tranh thủ tích nước trong tháng 11 này khi nguồn nước còn chưa bị ảnh hưởng của xâm nhập mặn, xây dựng kế hoạch vận hành hệ thống công trình hợp lý, chuẩn bị các giải pháp ứng phó ngay từ đầu mùa khô, bố trí sản xuất sớm, hoàn thành trước 10/1/2027

và chuyển đổi sản xuất ở những vùng không đảm bảo nguồn nước. Đồng thời, tăng cường công tác giám sát độ mặn, cập nhật các bản tin dự báo thường xuyên để điều chỉnh kế hoạch phù hợp với các diễn biến nguồn nước.

Thông tin dự báo mùa tiếp tục được cập nhật khi có thay đổi đáng kể về nguồn nước với độ tin cậy hơn để phục vụ các địa phương chủ động các giải pháp đảm bảo an toàn cho sản xuất, xây dựng kế hoạch vận hành các cửa cống. Các địa phương thường xuyên cập nhật các bản tin dự báo nguồn nước do các đơn vị khoa học thuộc Bộ cung cấp.

VIỆN KHOA HỌC THUỶ LỢI MIỀN NAM

KT. VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Phú Quỳnh